

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2023/DS-PT

Ngày 02-8-2023

V/v Yêu cầu bồi thường trách
nhiệm của Nhà nước

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn

Các thẩm phán: Bà Vũ Thị Yến và ông Vũ Thanh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Công - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 08 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 43/2023/TLPT-DS ngày 19/6/2023 về việc Yêu cầu bồi thường trách nhiệm của Nhà nước.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2023/DS-ST ngày 27/4/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Kinh Môn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 43/2023/QĐXX-PT ngày 14/7/2023, giữa:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1968. Địa chỉ: thôn P, xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông C: Bà Nguyễn Thị Thanh Ph - Luật sư của Công ty Luật VietLawyer thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Ủy ban nhân dân xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã L.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn Q (nguyên là Chủ tịch UBND xã L). Địa chỉ: thôn Ng, xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Q: Ông Nguyễn Văn T.

3.2. Ông Nguyễn Văn H (*nguyên là Xã đội trưởng xã L*). Địa chỉ: thôn K, xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

4. *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1968. Địa chỉ: thôn P, xã L, thị xã K, tỉnh Hải Dương; là nguyên đơn.

Có mặt ông C, bà Ph, ông T và ông H; vắng mặt ông Q.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trình bày:

Ngày 01/6/2009 ông C được Chủ tịch UBND xã L bổ nhiệm quyền Trưởng thôn P, xã L. Ngày 06/6/2009, ông nhận bàn giao công việc, sổ sách, tiền mặt từ Trưởng thôn cũ là ông Nguyễn Khắc Ph dưới sự chứng kiến của Văn phòng UBND, Đảng ủy xã và các thành viên có liên quan; có lập Biên bản bàn giao Trưởng thôn cũ mới. Ngày 24/7/2011, sau khi hết nhiệm kỳ trưởng thôn, ông C nghỉ và tiến hành thực hiện công việc bàn giao cho ông Nguyễn Văn C1 là trưởng thôn mới. Việc bàn giao được tiến hành từ ngày 05/10/2011 đến ngày 23/11/2011 và được lập thành văn bản, có đầy đủ thành phần tham gia, mọi người đều nhất trí ký vào biên bản.

Ngày 19/10/2012, UBND xã L ban hành Quyết định số 46 về việc thành lập tổ công tác kiểm tra kinh tế thôn P trong 03 năm, từ năm 2009 đến năm 2011 (*ông không được nhận quyết định này*). Ngày 12/5/2014, tổ kiểm tra kinh tế có báo cáo kết luận việc kiểm tra kinh tế thôn P với nội dung kiến nghị, đề nghị về việc truy thu số tiền 8.570.000đ từ hợp đồng thuê khoán 5.000m² đất lưu không chân đê; thu hồi số tiền 5.079.290đ quỹ thôn dư chênh so với số liệu bàn giao cho ông C1; thu hồi số tiền 1.731.000đ chi vụ chiêm năm 2011 không có nội dung; phần bàn giao nợ phải thu giữa ông C và ông C1 hiện còn thiếu 2.236.110đ, ông C phải chịu trách nhiệm; hủy bỏ hợp đồng thuê 5.000m² cho thuê không đúng thẩm quyền. Tổ kiểm tra kinh tế quy trách nhiệm cá nhân cho ông và đề nghị UBND xã xem xét, quyết định. Ngày 16/5/2014 Chủ tịch UBND xã L - ông Nguyễn Văn Q đã ban hành Quyết định số 30/QĐ-UBND về việc thu hồi tiền xâm tiêu, chiếm dụng công quỹ thôn và cho thuê đất trái thẩm quyền đối với ông.

Ngày 20/5/2014, Ban Chi ủy thôn P nhiệm kỳ từ ngày 01/6/2009-24/7/2011 có lập bản tổng hợp giải trình số liệu kiểm tra kinh tế thôn P gửi cho Đảng bộ xã L. Đảng bộ xã L đã thành lập đoàn công tác để thẩm tra, xác minh theo nội dung khiếu nại của ông và có báo cáo kết luận (dự thảo) ngày 26/8/2014. Ngày 05/11/2014, Ủy ban kiểm tra đảng ủy xã có ra Quyết định số 12-QĐ/UBKT thành lập tổ kiểm tra đảng viên có dấu hiệu vi phạm nhưng không giao cho ông. Ông tiếp tục có đơn khiếu nại gửi các cơ quan nhà nước có thẩm

quyền. Tại Biên bản làm việc ngày 29/03/2021 có thành phần là Thanh tra thị xã K và Đảng ủy - UBND xã L, kết luận: Các tài liệu và thông tin do ông C cung cấp có căn cứ và được UBND xã chấp nhận. Do vậy, ông C rút nội dung khiếu nại. Ngày 30/3/2021, Chủ tịch UBND xã L ra Quyết định về việc đình chỉ giải quyết khiếu nại. Không đồng ý với Quyết định nêu trên, ông đã làm đơn gửi đến Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy Hải Dương. Ngày 14/5/2021, Thanh tra thị xã K cùng UBND xã L tiến hành làm việc với ông và kết luận ông không xâm phạm, chiếm dụng số tiền 17.616.400đ của thôn. Ngày 17/5/2021, Chủ tịch UBND xã L ban hành Quyết định số 46/QĐ-UBND hủy bỏ Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 16/5/2014.

Ông C xác định Quyết định của UBND xã L đã xâm phạm đến danh dự, uy tín, sức khỏe của ông, được sự hướng dẫn của Thanh tra thị xã K, ông đã làm đơn khởi kiện gửi đến Tòa án. Ông C yêu cầu Tòa án buộc UBND xã L phải có trách nhiệm bồi thường theo Luật bồi thường trách nhiệm của Nhà nước cho ông: Bồi thường thiệt hại sức khỏe, nhân phẩm, danh dự, uy tín bị xâm phạm là $1.490.000 \text{ đồng} \times 12 \text{ tháng} \times 50 \text{ lần} \times 9 \text{ năm} = 8.040.000.000 \text{ đồng}$. Bồi thường 60 bộ hồ sơ chuyên Fax nhanh gồm phô tô, đánh máy, công đi lại là $50.000 \text{ đồng/bộ} \times 60 = 3.000.000 \text{ đồng}$. Bồi thường giấy mời về làm việc tổng 66 giấy mời, chỉ tính 34 giấy mời về làm việc là $34 \times 4.350.000 \text{ đồng/lượt} = 147.900.000 \text{ đồng}$. Tổng cộng là 8.196.900.000 đồng.

Theo lời khai và các tài liệu có trong hồ sơ, đại diện theo pháp luật của UBND xã L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Nguyễn Văn C là đảng viên, làm trưởng thôn P giai đoạn năm 2009 đến hết tháng 6/2011. Trong quá trình làm trưởng thôn, tổ rà soát của thôn phát hiện ông C có biểu hiện không minh bạch và có dấu hiệu sai phạm trong quản lý, sử dụng quỹ thôn nên đã nhiều lần phản ánh, kiến nghị tại các kỳ họp HĐND xã. Từ thực tế trên, UBND xã đã ban hành quyết định thành lập Tổ kiểm tra kinh tế thôn P trong giai đoạn ông C làm trưởng thôn.

Thời gian từ ngày 07/11/2012 đến ngày 22/5/2013, Tổ kiểm tra kinh tế đã mời ông C làm việc 06 lần nhưng 03 lần vắng mặt không có lý do, những lần đến làm việc thì cuối buổi tự ý bỏ về, chỉ đến khi Ban thường vụ Đảng ủy xã mời lên chấn chỉnh về ý thức, trách nhiệm của đảng viên thì ông C mới hợp tác. Sau đó Tổ kiểm tra kinh tế được kiện toàn lại và làm việc tiếp từ ngày 03/10/2013 đến 21/3/2014. Thời gian này, Tổ kiểm tra kinh tế mời ông C lên làm việc 07 lần thì 04 lần ông C vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, ông C có hợp tác và cung cấp tài liệu liên quan cho tổ kiểm tra.

Quá trình kiểm tra kinh tế thôn P, Tổ kiểm tra đã phát hiện ra các sai phạm như trong Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 16/5/2014 đã nêu. Trước khi ban hành quyết định này, UBND xã đã tổ chức Hội nghị mở rộng, có đầy đủ thành phần đại diện thôn, xã và cá nhân ông C nhưng ông C không đưa ra được

các chứng cứ phủ nhận sai phạm của mình. Do đó, việc ban hành Quyết định số 30 là hoàn toàn đúng tại thời điểm đó. Song, ông C không chấp hành quyết định mà gửi đơn thư đến nhiều nơi, nhiều cấp. Mặc dù đã quá thời hiệu khiếu nại nhưng năm 2016 UBND xã vẫn thành lập đoàn công tác giải quyết đơn khiếu nại của ông C với mục đích là tháo gỡ cho ông C nếu cung cấp chứng cứ có giá trị và đã ban hành Kết luận số 03 ngày 18/11/2016, trong đó: Đồng ý giảm 8.570.000đ do ông C cung cấp được chứng cứ mới là ông Bí thư Chi bộ lúc đó cầm, thể hiện trong sổ nghị quyết (*nội dung này xã vận dụng*). Đồng ý giảm hai khoản là 2.236.000đ và 1.731.000đ do cung cấp thêm được chứng cứ. Số tiền còn lại quy trách nhiệm của ông C là 5.079.290đ. Ông C không chấp hành mà tiếp tục gửi đơn đến nhiều nơi, vượt cấp, nhất là trước thời điểm bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu HĐND các cấp, nhiệm kỳ 2021-2026. Xét thấy số tiền còn lại không lớn, UBND thị xã K chỉ đạo Thanh tra và UBND xã phối hợp giải quyết dứt điểm đơn thư của ông C. Cùng với áp lực công việc nhiều, muốn giải quyết dứt điểm đơn thư kéo dài, UBND xã L đã ban hành Quyết định số 46 để hủy Quyết định số 30. Căn cứ Quyết định số 46, ông C đã khởi kiện ra Tòa án đòi quyền lợi với số tiền 8.196.900.000đ. Quan điểm của UBND xã, hoàn toàn phản đối vì sai phạm của ông C là có thật.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2023/DS-ST ngày 27/4/2023, Tòa án nhân dân thị xã K đã quyết định: Căn cứ khoản 6 Điều 26, khoản 2 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 8, các Điều 17, 52 và 53 của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; Luật tổ chức Hội đồng nhân dân - Ủy ban nhân dân năm 2003. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C về yêu cầu Tòa án buộc UBND xã L phải có trách nhiệm bồi thường số tiền 8.196.900.000đ vì đã ban hành Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 16/5/2014.

Ngoài ra bản án còn quyết định về phần án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 24/4/2023, ông Nguyễn Văn C có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Với lý do, quyết định của bản án không đúng căn cứ pháp luật, sai phạm khi thu thập chứng cứ, tài liệu trong quá trình xét xử vụ án, vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Văn C thay đổi nội dung kháng cáo, do trước đây ông tính mức bồi thường theo Bộ luật Dân sự, nay ông tính lại mức bồi thường theo Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn kháng cáo của ông, buộc UBND xã L bồi thường cho ông số tiền là 122.140.000 đồng và xin lỗi công khai đối với ông ngay tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông C đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông C. Sửa bản án sơ thẩm. Buộc UBND xã L bồi thường cho ông C số tiền là 122.140.000 đồng và xin lỗi công khai đối với ông C.

Ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Văn H trình bày: Quyết định số 30 của UBND xã L có nội dung ông C sai; đó là Trưởng thôn không có quyền ký hợp đồng giao thuê khoán cho người khác thuê đất 10 năm. Việc giải quyết đơn thư kéo dài là do ông C không hợp tác, không cung cấp tài liệu, ông C lại gửi đơn thư vòng vo nhiều nơi. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận đơn kháng cáo của ông C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Tòa án cấp phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông C; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C trong thời hạn luật định nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Tại phiên tòa, ông Q vắng mặt nhưng đã ủy quyền cho ông T tham gia tố tụng nên Tòa án xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung, xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn C, thì thấy:

[3] Ngày 16/5/2014, UBND xã L đã ban hành Quyết định số 30/QĐ-UBND về việc thu hồi số tiền xâm tiêu, chiếm dụng công quỹ thôn và cho thuê đất trái thẩm quyền đối với ông Nguyễn Văn C, nguyên trưởng thôn P, xã L (gọi tắt là *Quyết định số 30*), có nội dung: Thu hồi số tiền theo kết luận của Tổ công tác kiểm tra đối với ông Nguyễn Văn C đã xâm tiêu, chiếm dụng số tiền là 17.616.400 đồng. Trong đó số tiền hợp đồng thuê khoán 5.000m² đất lưu không chân dê trái thẩm quyền là 8.570.000 đồng; số tiền quỹ thôn dư chênh so với số liệu bàn giao cho ông C1 là 5.079.290 đồng; số tiền 1.731.000 đồng chi vụ chiêm năm 2011 không có nội dung; số tiền 2.236.110 đồng do bàn giao số nợ chênh thiếu cho ông C1. Ông C có trách nhiệm nộp đủ số tiền trên về Thủ quỹ ngân sách xã trong thời hạn từ ngày 17 đến ngày 31/5/2014. Hủy bỏ hợp đồng cho thuê đất trái thẩm quyền 5.000m² đất nương lưu không chân dê thôn P. Căn cứ khoản 1 Điều 3 Luật Tố tụng hành chính, thì Quyết định số 30 là quyết định hành chính của UBND xã L. Ông C không đồng ý với quyết định số 30, có đơn khiếu nại theo quy định. Tại Quyết định số: 46/QĐ-UBND ngày 17/5/2021 của Chủ tịch UBND xã L về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn C (gọi tắt là *Quyết định số 46*), Chủ tịch UBND xã L đã quyết định hủy bỏ Quyết định số 30. Đến nay, ông Nguyễn Văn C chưa chấp hành quyết định số 30. Quyết định số 46 hiện có hiệu lực pháp luật.

[4] Ông C đồng ý với Quyết định số 46 và cho rằng Quyết định số 30 của UBND xã L đã xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của ông nên ông C khởi kiện yêu cầu bồi thường trách nhiệm của Nhà nước do quyết định số 30 gây ra. Theo quy định tại Điều 598 của Bộ luật Dân sự, quy định về bồi thường thiệt hại do người thi hành công vụ gây ra; thì Nhà nước có trách nhiệm bồi thường thiệt hại do hành vi trái pháp luật của người thi hành công vụ gây ra theo quy định của Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. UBND xã L là chủ thể ban hành quyết định số 30. Như vậy, cấp sơ thẩm xác định UBND xã L là bị đơn dân sự là đúng quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 17 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước quy định về Phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính, quy định: *"Nhà nước có trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong các trường hợp sau đây:*

1. Ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính trái pháp luật;

2. Áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm việc xử lý vi phạm hành chính trái pháp luật;

.....

14. Ra quyết định xử lý kỷ luật buộc thôi việc trái pháp luật đối với công chức từ Tổng cục trưởng và tương đương trở xuống".

[5] Đối chiếu với quy định trên, thì Quyết định số 30 không thuộc phạm vi trách nhiệm bồi thường của Nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính từ khoản 1 đến khoản 14 Điều 17 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước. Cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ đầy đủ, xác định đúng quan hệ pháp luật, quyết định không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C là đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, ông C không xuất trình tài liệu, chứng cứ gì mới để chứng minh cho nội dung kháng cáo nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn C; cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương.

[6] Về án phí: Kháng cáo của ông C không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông C yêu cầu bồi thường về sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín nên Tòa án miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông C.

[7] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xét và đã có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[8] Ngoài ra, tại cấp phúc thẩm, ông C và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông C còn đề nghị UBND xã L phải trực tiếp xin lỗi công khai ông C tại phiên tòa. Căn cứ Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, thì không có quy định về xin lỗi hoặc cải chính công khai trong trường hợp Cơ

quan hành chính ban hành quyết định số 30; mặt khác, tại cấp sơ thẩm ông C chưa yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 03/2023/DS-ST ngày 27/4/2023 của Tòa án nhân dân thị xã K, tỉnh Hải Dương.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn C.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 02/8/2023)/.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- TAND thị xã Kinh Môn;
- Chi cục THA dân sự thị xã Kinh Môn;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Sơn